

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ SMIT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ SMIT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SMIT TECHNOLOGY SOLUTIONS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SMIT TS ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109404057

**3. Ngày thành lập:** 05/11/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1, ngách 138/5, ngõ 230 phố Định Công Thượng, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4651     |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>- Bán buôn mạch tích hợp và mạch vi xử lý;<br>- Bán buôn mạch in;<br>- Bán buôn băng, đĩa từ, băng đĩa quang (CDs, DVDs) chưa ghi (băng, đĩa trắng);<br>- Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông;<br>- Bán buôn tivi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến;<br>- Bán buôn đầu đĩa CD, DVD.<br>- Kinh doanh hàng hóa viễn thông chuyên dùng gồm: Thiết bị có gắn số thuê bao viễn thông; Thẻ thanh toán dịch vụ viễn thông; Hàng hóa viễn thông chuyên dùng khác (Điều 10 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP) | 4652     |
| 3.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Sản xuất các chương trình truyền hình ,chương trình quảng cáo (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề này theo đúng qui định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5911     |
| 4.  | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5912     |
| 5.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6201     |
| 6.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6202     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6209     |
| 8.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                  | 4741        |
| 10. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ tổ chức hợp báo)                                                                                                                                                                                      | 8230        |
| 11. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: + Tư vấn giáo dục,<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục,<br>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.               | 8560        |
| 12. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                       | 5820(Chính) |
| 13. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                      | 6311        |
| 14. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                | 7020        |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                | 7320        |
| 16. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                               | 6312        |
| 17. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                 | 7490        |
| 18. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                 | 4799        |
| 19. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                           | 6399        |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                          | 7730        |
| 21. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                      | 2640        |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                          | 4610        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá (Điều 28 Luật Thương mại 2005)<br>- Nhận Ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 16 Nghị định 187/2013/NĐ-CP) | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGÔ THỊ HUYỀN | Thôn Vân Trai, Xã Tân Phú, Thị xã Phô Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 4.000      | 40.000.000            | 4,000     | C2256262                                                                                    |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số                   | 4.000      | 40.000.000            | 4,000     |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN VĂN TUẤN | Thôn Phú Cốc, Xã Tân Phú, Thị xã Phô Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 90.000     | 900.000.000           | 90,000    | 091769455                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số                   | 90.000     | 900.000.000           | 90,000    |                                                                                             |         |

|   |               |                                                                      |                           |       |            |       |           |
|---|---------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|------------|-------|-----------|
| 3 | TRẦN VĂN TÙNG | Thôn Phú Cốc, Xã Tân Phú, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 6.000 | 60.000.000 | 6,000 | 091915843 |
|   |               |                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |               |                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |               |                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |               |                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |               |                                                                      | Tổng số                   | 6.000 | 60.000.000 | 6,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN VĂN TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/09/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 091769455

Ngày cấp: 05/06/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Phú Cốc, Xã Tân Phú, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Phú Cốc, Xã Tân Phú, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội